

Đơn vị: Trường THPT Gia Viễn A

Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Hưng, ngày 31 tháng 01 năm 2026

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường THPT Gia Viễn A công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2025 như sau:

ĐV tính: Nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý 1 năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí: Không có</b>				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>21.978.343</b>	<b>16.592.582,2</b>		
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>21.978.343</b>	<b>16.592.582,2</b>		
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>21.978.343</b>	<b>16.597.752,94</b>	<b>75,519</b>	
2.1	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ:	16.592.587	16.592.582,200	100,000	
2.2	Kinh phí chi không thường xuyên	5.385.756	5.170,736	0,096	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				

Thư trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thành Dương

Tên đơn vị: Trường THPT Gia Viễn A

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Năm 2025

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025				Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>21.978.343,5</b>	<b>20.587.000</b>	<b>0</b>	<b>1.367.880</b>	<b>6.765.050,6</b>	<b>21.763.318,3</b>	<b>215.024.699</b>	
<b>1</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên</b>	<b>16.592.587,0</b>	<b>16.140.000</b>		<b>452.587</b>	<b>4.910.199,7</b>	<b>16.592.582,2</b>	<b>4,8</b>	
	Bổ sung KP do giao tăng biên chế	<b>116.587</b>			<b>116.587</b>	<b>116.587,0</b>	<b>116.587,0</b>	<b>0,0</b>	
	KP tiền thường Nghị định 73/2024/NĐ-CP	<b>765.000</b>			<b>765.000</b>	<b>764.995,2</b>	<b>764.995,2</b>	<b>4,8</b>	
<b>2</b>	<b>Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên</b>	<b>5.385.756,5</b>	<b>4.447.000</b>	<b>0</b>	<b>915.293</b>	<b>1.854.851</b>	<b>5.170.736</b>	<b>215.019,899</b>	
<b>2.1</b>	<b>Kinh phí mua sắm</b>	<b>763.000</b>	<b>816.000</b>	<b>0</b>	<b>-53.000</b>	<b>476.000</b>	<b>762.990</b>	<b>9,5</b>	
	Điều hoà không khí: 04 cái x 15.250ngđ/cái	55.000	61.000		-6.000	55.000	55.000	0	
	Màn hình hiển thị: 10 cái x 15.300ngđ/cái	153.000	153.000				153.000	0	
	Máy tính để bàn: 40 bộ x 11.700ngđ/bộ	421.000	468.000		-47.000	421.000	421.000	0	
	Bảng viết đa năng: 10 cái x 6.700ngđ/cái	67.000	67.000				67.000	0	
	Ghế giáo viên: 30 cái x 1.534ngđ/cái	46.000	46.000				45.990	9,5	
	Giá để sách thư viện: 05 cái x 4.200ngđ/cái	21.000	21.000				21.000	0	

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025					Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm			
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10	
2.2	<b>Kinh phí xây dựng, sửa chữa</b> Sửa chữa nhà để xe học sinh, Khuôn viên sân trường ( Sân, bồn cây, rãnh thoát nước), nhà lấy nước uống, nước rửa tay học sinh, vách ngăn vệ sinh với sân vận động	<b>2.700.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>0</b>	<b>-300.000</b>	<b>268.725</b>	<b>2.508.453,601</b>	<b>191.546,399</b>		
2.3	<b>Kinh phí đặc thù</b> Chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật Chi hỗ trợ chi phí học tập theo ND số 81/2021/NĐCP Chi hỗ trợ kinh phí đối với người khuyết tật theo TTLT số 42/2013 Duy trì phần mềm quản lý tài sản Chi cấp bù miễn giảm học phí cho học sinh KP tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT Chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật KP thực hiện chính sách ASXH ( hỗ trợ học phí	<b>1.922.757</b>	<b>631.000</b>	<b>0</b>	<b>1.268.293</b>	<b>1.110.126</b>	<b>1.899.293</b>	<b>23.464</b>		
		468.106	538.000		-69.894		468.106	0		
		29.700	30.000		-300	13.200	29.700	0		
		26.208	34.000		-7.792	7.488	26.208	0		
		3.000	3.000				3.000	0		
		13.813	26.000		-12.187,5		13.812,5	0,0		
		269.028			269.028		269.028	0,0		
		290.502			267.038	267.038,0	267.038	23.464,0		
		822.400			822.400	822.400	822.400	0,0		

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025				Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số 3=4+5+6	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm) 4	Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025 5	Dự toán bổ sung trong năm 6	Số đã chi trong kỳ 7	Lũy kế từ đầu năm 8		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10

Người lập biểu

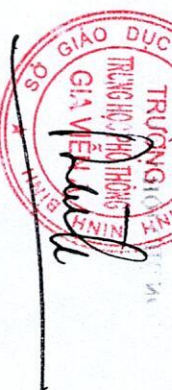
Đinh Thị Huệ

Kế toán

Đinh Thị Huệ

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Đào Tấn  
Phụ trưởng đơn vị



Lê Thành Dương

Tên đơn vị: Trường THPT Gia Viễn A

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2025

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025				Kinh phí đã sử dụng			Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm			
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10	
	Tổng cộng	21.978.343,5	20.587.000	0	1.367.880	6.765.050,6	21.763.318,3	215.024,699		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.592.587,0	16.140.000		452.587	4.910.199,7	16.592.582,2	4,8		
	Bổ sung KP do giao tăng biên chế	116.587			116.587	116.587,0	116.587,0	0,0		
	KP tiền thường Nghị định 73/2024/NĐ-CP	765.000			765.000	764.995,2	764.995,2	4,8		
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.385.756,5	4.447.000	0	915.293	1.854.851	5.170.736	215.019,899		
2.1	Kinh phí mua sắm	763.000	816.000	0	-53.000	476.000	762.990	9,5		
	Điều hoà không khí: 04 cái x 15.250ngđ/cái	55.000	61.000		-6.000	55.000	55.000	0		
	Màn hình hiển thị: 10 cái x 15.300ngđ/cái	153.000	153.000				153.000	0		
	Máy tính để bàn: 40 bộ x 11.700ngđ/bộ	421.000	468.000		-47.000	421.000	421.000	0		
	Bảng viết đa năng: 10 cái x 6.700ngđ/cái	67.000	67.000				67.000	0		
	Ghế giáo viên: 30 cái x 1.534ngđ/cái	46.000	46.000				45.990	9,5		
	Giá để sách thư viện: 05 cái x 4.200ngđ/cái	21.000	21.000				21.000	0		

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025					Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm			
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10	
2.2	<b>Kinh phí xây dựng, sửa chữa</b>	<b>2.700.000</b>	<b>3.000.000</b>	<b>0</b>	<b>-300.000</b>	<b>268.725</b>	<b>2.508.453,601</b>	<b>191.546,399</b>		
	Sửa chữa nhà để xe học sinh, khuôn viên sân trường ( Sân, bồn cây, rãnh thoát nước), nhà lấy nước uống, nước rửa tay học sinh, vách ngăn vệ sinh với sân vận động	2.700.000	3.000.000		-300.000	268.725	2.508.453,601	191.546,399		
2.3	<b>Kinh phí đặc thù</b>	<b>1.922.757</b>	<b>631.000</b>	<b>0</b>	<b>1.268.293</b>	<b>1.110.126</b>	<b>1.899.293</b>	<b>23.464</b>		
	Chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật	468.106	538.000		-69.894		468.106	0		
	Chi hỗ trợ chi phí học tập theo ND số 81/2021/NĐCP	29.700	30.000		-300	13.200	29.700	0		
	Chi hỗ trợ kinh phí đối với người khuyết tật theo TTLT số 42/2013	26.208	34.000		-7.792	7.488	26.208	0		
	Duy trì phần mềm quản lý tài sản	3.000	3.000				3.000	0		
	Chi cấp bù miễn giảm học phí cho học sinh	13.813	26.000		-12.187,5		13.812,5	0,0		
	KP tổ chức kỳ thi tốt nghiệp THPT	269.028			269.028		269.028	0,0		
	Chi trả phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên dạy lớp có học sinh khuyết tật	290.502			267.038	267.038,0	267.038	23.464,0		
	KP thực hiện chính sách ASSXH ( hỗ trợ học phí	822.400			822.400	822.400	822.400	0,0		

STT	Nội dung	Dự toán NSNN năm 2025				Kinh phí đã sử dụng		Dự toán còn lại	Ghi chú
		Tổng số	Dự toán giao đầu năm (số đã trừ tiết kiệm)	Kinh phí chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025	Dự toán bổ sung trong năm	Số đã chi trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		
1	2	3=4+5+6	4	5	6	7	8	9=3-8	10

Người lập biểu

Đinh Thị Huệ

Kế toán

Đinh Thị Huệ

Ngày 31 tháng 01 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

Lê Thành Dương